

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Việt Dũng và Tạ Thúy Quỳnh** - Áp dụng mô hình ARDL nghiên cứu tác động của các chỉ số giá đến thị trường chứng khoán Việt Nam. **Mã số: 143.1FiBa.11** 2
Application of ARDL model for studying the impact of price indicators on the Vietnamese stock market
- 2. Đỗ Thị Vân Trang, Đinh Hồng Linh và Lê Thùy Linh** - Ứng dụng mô hình ARDL nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. **Mã số: 143.1TrEM.11** 11
Determinants of Foreign Direct Investment In Vietnam: ARDL Model
- 3. Vũ Văn Hùng và Hồ Kim Hương** - Nghiên cứu tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam. **Mã số: 143.1DEco.12** 19
A Study on the Impact of Vocational Training Policies on Household's Income in Vietnam's Rural Areas
- 4. Võ Thị Ánh Nguyệt và Nguyễn Hoàng Minh Trí** - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu hộ gia đình ở Đồng bằng Sông Cửu Long. **Mã số: 143.1DEco.11** 31
An Analysis of the Factors Affecting Household Spending in Mekong Delta

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Nguyễn Quốc Thịnh, Khúc Đại Long và Nguyễn Thu Hương** - Quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp Việt Nam - động lực cho sự khác biệt hóa. **Mã số: 143.2BAdm.22** 38
Intellectual Property Management in Vietnamese Businesses - Motivation for Diversification
- 6. Đặng Thị Thu Trang và Trương Thị Hiếu Hạnh** - Ảnh hưởng của chất lượng tích hợp kênh lên sự gắn kết của người tiêu dùng trong bán lẻ đa kênh tại Việt Nam. **Mã số: 143.2BMkt.21** 45
The Influence of Channel Integration Quality on Customer Engagement in Multi-channel Retail in Vietnam
- 7. Lê Công Thuận và Bùi Thị Thanh** - Phong cách lãnh đạo ủy quyền và sự tham gia vào quá trình sáng tạo của cấp dưới. **Mã số: 143.2HRMg.21** 54
Empowering leadership and followers' creative process engagement
- 8. Nguyễn Chí Đức** - Nghiên cứu hành vi tín nhiệm dựa trên lý thuyết trò chơi. **Mã số: 143.2BAdm.21** 61
Game analysis of credit behavior
- 9. Trịnh Thùy Anh, Lý Thanh Duy và Nguyễn Phạm Kiến Minh** - Sự tác động của nhận dạng tổ chức, nhận dạng nhân viên - khách hàng và định hướng khách hàng đến sự gắn kết của nhân viên tại các công ty truyền thông trên địa bàn TP.HCM. **Mã số: 143.2HRMg.21** 67
The Impact of Organization Identity, Staff-Customer Identity, and Customer Orientation on Staff Commitment at Communication Companies in Hochiminh City

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 10. Phan Thị Thu Hiền, Phạm Thị Cẩm Anh và Trần Bích Ngọc** - Những điểm mới của bộ quy tắc Incoterms 2020 và hàm ý áp dụng trong mua bán hàng hóa quốc tế. **Mã số: 143.3IBMg.32** 76
New Points in Incoterms 2020 and Implications in International Goods Trading
- 11. Nguyễn Ngọc Mai và Nguyễn Thị Minh Thảo** - Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ứng dụng gọi xe: Trường hợp nghiên cứu tỉnh Bình Dương. **Mã số: 143.3BMkt.31** 82
Factors Affecting the Intention to Use Vehicle Booking Apps: a Case Study in Bình Dương Province

NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ ĐỐI VỚI THU NHẬP CỦA HỘ GIA ĐÌNH Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM

Vũ Văn Hùng

Trường Đại học Thương mại

Email: hungvvu@tmu.edu.vn

Hồ Kim Hương

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Email: hohuong112007@gmail.com

Ngày nhận: 02/03/2020

Ngày nhận lại: 27/03/2020

Ngày duyệt đăng: 30/03/2020

Trong nhiều năm qua, Việt Nam có nhiều chính sách hỗ trợ đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung và đào tạo nghề nói riêng đã tác động tích cực đối với sinh kế của các hộ nông dân cũng như gia tăng thu nhập, xóa đói và giảm nghèo. Trên cơ sở sử dụng dữ liệu sơ cấp thu thập được từ 810 hộ nông dân, 30 cán bộ quản lý và 30 chuyên gia thuộc lĩnh vực nghiên cứu tại ba tỉnh đại diện cho 3 vùng trong cả nước là Hà Giang, Hà Tĩnh và Trà Vinh, nhóm nghiên cứu đã phân tích thực trạng tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn, từ đó kiến nghị một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính sách này trong thời gian tới.

Từ khóa: nghiên cứu tác động; đào tạo nghề; thu nhập hộ gia đình; nông thôn.

1. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

1.1. Cơ sở lý thuyết

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là nhiệm vụ cấp bách nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay. Các chính sách đào tạo nghề đối với lao động nông thôn thường hướng tới những lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn. Việc dạy nghề cho lao động nông thôn thường tập trung vào các chính sách như:

- Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm đối với lao động nông thôn và gồm các nội dung chủ yếu sau: (1) Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dạy nghề cho lao động nông thôn; (2) Triển khai tuyên truyền về dạy nghề lao động nông thôn trên phương tiện thông tin đại chúng; (3) Xây dựng, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ của Hội nông dân; (4) Tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn; (5) Tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với những người có

nhiều đóng góp trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Thí điểm các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn. Việc dạy nghề theo các mô hình thí điểm cho lao động nông thôn gồm 4 nhóm: nhóm lao động làm nông nghiệp (ở các vùng núi, vùng chuyên canh); nhóm lao động trong các làng nghề ở vùng đồng bằng; nhóm nông dân chuyển nghề sang công nghiệp, dịch vụ (ở vùng núi và vùng đồng bằng, trung du) và nhóm đánh bắt xa bờ ở các tỉnh duyên hải miền Trung (học sửa chữa máy tàu thủy; chế biến và bảo quản thủy sản...).

- Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề với nội dung chủ yếu như chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng, hay đặt hàng dạy nghề cho những lao động nông thôn thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế).

Theo phân tích của nhóm IRD-DIAL (2008), để đánh giá tác động của các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần quan tâm đến hai nội dung là đánh giá quá trình triển khai và đánh giá tác động. Nhìn chung, tác động là phép đo sự ảnh hưởng (kết quả) vô hình hoặc hữu hình của một vật

Bài viết sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ GD&ĐT mã số B2019-TMA-09.

hoặc hành động của một thực thể tác động lên vật hoặc thực thể khác (Terluin, 2010). Việc đánh giá tác động của chính sách đào tạo nghề là công việc khó khăn đòi hỏi nguồn lực lớn (Julia và cộng sự, 2010). Đồng thời việc đánh giá tác động có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, phụ thuộc nhiều vào nguồn lực và số liệu có thể thu thập được. Theo Koen Carels (2005), các đánh giá tác động chính sách đào tạo nghề cần được thiết kế ngay từ đầu khi triển khai chính sách, dự án. Do đó, để xác định tác động chính sách đào tạo nghề thì phải xác định được đối tượng chịu tác động của chính sách. Ngoài ra, World Bank (2008) cũng cho rằng đánh giá tác động là đánh giá những thay đổi gắn với những tác động của một dự án, chương trình, chính sách, những thay đổi này có thể được dự định trước hoặc không như dự định. Nhìn chung, việc nghiên cứu tác động của chính sách đào tạo nghề được thực hiện nhằm trả lời câu hỏi: “Nếu không có tác động của chính sách/chương trình/dự án thì kết quả đầu ra sẽ như thế nào”? Điều này liên quan đến thuật ngữ được gọi là phân tích phản thực (counterfactual analysis), đó là một sự so sánh giữa điều gì thực sự xảy ra với điều gì xảy ra nếu không có sự can thiệp của chính sách (White H., 2006).

Về cơ bản, việc đánh giá tác động của chính sách giáo dục nói chung và chính sách đào tạo nghề nói riêng cần phân biệt được sản phẩm đầu ra của chính sách (outputs) với kết quả đạt được (outcomes) nhờ việc người thụ hưởng chính sách sử dụng những kết quả của chính sách. Khi đánh giá tác động của chính sách đào tạo nghề cần quan tâm đến những kết quả đạt được này (Shenggen Fan, 2010). Như vậy, dựa vào các luận cứ khoa học ở trên cho thấy, việc đánh giá tác động của chính sách đào tạo nghề (outputs) sẽ tác động đến giáo dục của lao động trong các hộ gia đình ở nông thôn (outcomes), và những thay đổi trong giáo dục sẽ thay đổi trong các vấn đề sinh kế và thu nhập của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn dựa vào lý thuyết sinh kế bền vững (DFID, 2003) và lý thuyết nguồn nhân lực của Lucas (1988). Về cơ bản, có thể khái quát chính sách đào tạo nghề có tác động đến thu nhập của hộ gia đình nông thôn được thể hiện qua sơ đồ (hình 1):

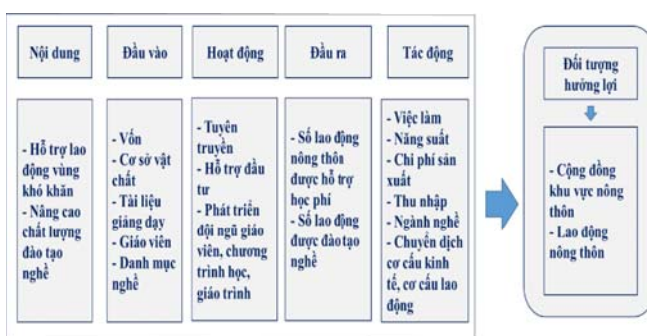
Thêm vào đó, cũng theo World Bank (2008), để đánh giá tác động của chính sách đào tạo nghề cần phải hiểu và phân tích chuỗi kết quả (result chain) của chính sách giáo dục. Phân tích tác động dựa trên chuỗi kết quả giúp xây dựng một khung lô-gic đáng tin cậy để hiểu được các mối quan hệ từ đầu vào

(inputs), hoạt động (activities) cho đến đầu ra (outputs) của một chính sách. Nó hình thành một logic nhân quả từ lúc khởi đầu với những nguồn lực ban đầu cho tới lúc kết thúc với những mục tiêu dài hạn. Trong chuỗi kết quả bao gồm các phân chính:

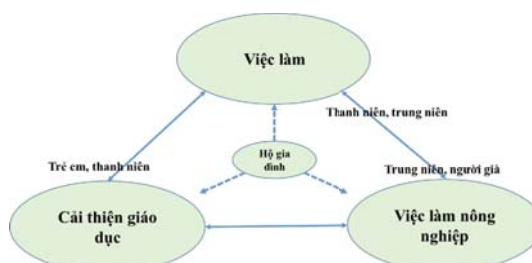
- Triển khai (Implementation): các công việc được triển khai để thực hiện chính sách giáo dục (bao gồm đầu vào, hoạt động và đầu ra). Những nội dung này có thể được theo dõi và đo lường trực tiếp từ các hoạt động của dự án.

- Kết quả/tác động (Results): những kết quả, tác động dự định, gồm cả tác động ngắn hạn và dài hạn (cuối cùng). Các tác động này không chỉ trực tiếp kiểm soát bởi chính sách giáo dục và phụ thuộc vào những thay đổi trong cư xử của đối tượng hưởng lợi từ chính sách giáo dục là các hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Nói cách khác, nó phụ thuộc vào mối quan hệ tương tác giữa bên cung cấp (Implementation) và bên có nhu cầu (Beneficiaries). Phần này liên quan đến đánh giá tác động để đo lường tính hiệu quả.

Như vậy, đối với nhóm các chính sách liên quan đến hỗ trợ dạy nghề, đào tạo nghề cho người lao động nông thôn sẽ có tác động đến thu nhập của các đối tượng hưởng lợi theo hướng như sau:



Hình 2: Chuỗi kết quả và đối tượng hưởng lợi của chính sách hỗ trợ, miễn giảm học phí và đào tạo nghề cho lao động nông thôn



Hình 1: Tác động của chính sách đào tạo nghề đối với thu nhập hộ gia đình

Từ chuỗi kết quả trên cho thấy việc nghiên cứu tác động của chính sách đào tạo nghề được thể hiện bằng những nội dung nghiên cứu chính sau:

- Đánh giá ảnh hưởng của các nhóm chính sách hỗ trợ đào tạo nghề tới sự thay đổi thu nhập của các hộ gia đình nông thôn bao gồm việc tác động tới kỹ năng lựa chọn sinh kế của người lao động ở khu vực nông thôn, tác động tới tiền công, thu nhập, khả năng lựa chọn nghề nghiệp và năng suất lao động của người lao động ở khu vực nông thôn.

- Đánh giá kết quả chung về sinh kế, giảm nghèo do ảnh hưởng có tính tổng thể của các chính sách đào tạo nghề tới thu nhập của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Chỉ ra những thay đổi cơ bản về thu nhập của hộ đồng thời nêu rõ các yếu tố bất cập, hạn chế chính sách đào tạo nghề và quá trình triển khai thực hiện chính sách từ đó làm cơ sở cho đề xuất giải pháp phát triển các chính sách đào tạo nghề nhằm tăng thu nhập cho các hộ gia đình khu vực nông thôn.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Thu thập dữ liệu:*

Để đánh giá thực trạng tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập hộ gia đình tại khu vực nông thôn, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát để thu thập thông tin sơ cấp chi tiết về tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn thuộc 3 tỉnh đại diện 3 vùng Bắc, Trung và Nam là Hà Giang; Hà Tĩnh và Trà Vinh. Việc lựa chọn 3 vùng nhằm đảm bảo tính đại diện của cả nước, các tỉnh trên đều thuộc nhóm các tỉnh thu nhập ở mức thấp so với các tỉnh thuần nông khác trong cả nước. Tại mỗi tỉnh lấy 03 huyện, mỗi huyện lấy 03 xã và mỗi xã chọn 30 hộ. Do vậy, tổng số được khảo sát sẽ là 810 hộ, 30 cán bộ quản lý và 30 chuyên gia thuộc lĩnh vực nghiên cứu.

- *Xử lý dữ liệu:* Về kỹ thuật phân tích: (1) Kỹ thuật phân tích dữ liệu định tính thông thường trên cơ sở tập hợp các ý chính nổi bật qua các cuộc phỏng vấn theo từng chủ đề; (2) Kỹ thuật phân tích số liệu điều tra: kỹ thuật phân tích thông thường như thống kê mô tả nhằm nêu ra bức tranh tổng thể và đa chiều về tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn; (3) Kỹ thuật phân tích đa nhân tố để xác định các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố trong mô hình nghiên cứu.

Về công cụ sử dụng: (1) Lập trình xử lý số liệu trên máy vi tính: Các số liệu điều tra có giá trị bằng số được tổng hợp và xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS và Excel với bảng biểu và sơ đồ; (2) Phương pháp phân tích số liệu: Sử dụng các phương pháp thống kê như đánh giá hàm phân bố, đánh giá phương sai, phương pháp hồi quy để xử lý thông tin, số liệu điều tra, thu thập.

- *Phương pháp đánh giá*

Bài viết sử dụng một số phương pháp định tính trong đánh giá tác động của chính sách giáo dục đối với thu nhập hộ gia đình ở khu vực nông thôn như:

- *Phương pháp chuyên gia:* Lấy ý kiến đánh giá của chuyên gia, người hưởng lợi chính sách về tác động của chính sách;

- *Phương pháp có sự tham gia:* Trao đổi với nhóm chuyên gia, nhóm dân cư, nhóm hưởng lợi chính sách về tác động của chính sách và quan hệ nhân quả của tác động chính sách;

- *Phương pháp thống kê mô tả:* Bằng cách so sánh các chỉ tiêu phản ánh tác động của chính sách giữa các nhóm đối tượng, giữa các thời điểm.

Dựa vào khung lý thuyết và các phương pháp đã nêu, việc đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn sẽ căn cứ theo các chỉ tiêu như sau:

Bảng 1: Hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn

Nội dung chỉ tiêu	Cách thức tiếp cận nguồn số liệu
1. Chỉ tiêu đánh giá kết quả đầu ra	
Số tiền ngân sách nhà nước đầu tư cho đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Số liệu thống kê từ các nguồn Tổng cục thống kê, Báo cáo của các bộ ngành liên quan
Số lao động được học nghề	
Số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn	
Số lượng giáo viên tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn	
2. Chỉ tiêu đánh giá tác động của chính giáo dục đối với thu nhập	
Tỷ lệ lao động có việc làm mới sau khi được hưởng trợ cấp giáo dục	Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu
Tỷ lệ lao động tìm được việc làm sau khi được đào tạo nghề	
Tỷ lệ lao động đánh giá cơ hội tìm việc làm tăng lên sau khi được đào tạo nghề	
Tỷ lệ người đánh giá quy mô sản xuất tăng lên sau khi được đào tạo nghề	
Tỷ lệ lao động đánh giá năng suất lao động tăng lên sau khi được đào tạo nghề	
Tỷ lệ người đào tạo đánh giá học nghề giúp họ áp dụng được công nghệ mới vào sản xuất sau khi được đào tạo nghề	
Tỷ lệ đánh giá chi phí sản xuất giảm sau khi sau khi được đào tạo nghề	
Tỷ lệ người đánh giá thu nhập của hộ tăng lên sau khi hưởng trợ cấp giáo dục	

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

2. Kết quả nghiên cứu**2.1. Thực trạng các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với các hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam****a. Các chính sách đã ban hành về hỗ trợ dạy nghề, đào tạo nghề đối với lao động nông thôn Việt Nam**

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn được triển khai nhất quán từ TW đến các địa phương, trên cơ sở các văn bản về chủ trương của Đảng và chính sách cụ thể của nhà nước như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của BCH Trung ương Đảng, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/6/2010 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 -2020. Đây là chương trình tổng thể về xây dựng nông thôn mới với các nhiệm vụ, mục tiêu trên tất cả các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng...; trong đó có việc tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động ở vùng nông thôn...

Trong vòng 10 năm (2009 - 2019) đã có gần 10 triệu người được học nghề các trình độ, trong đó có 5,6 triệu người được đào tạo trình độ sơ cấp, đạt 85% kế hoạch, đưa tỷ lệ lao động được đào tạo chung cả nước từ 28% năm 2009 tăng lên đạt gần 60% vào thời điểm hiện nay. Nếu so với mục tiêu đặt ra là vào năm 2020, số lao động có văn bằng chứng chỉ đạt 25%, thì bây giờ đã đạt 23%. Tất cả các địa phương đều hoàn thành và vượt tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nông thôn mới) từ 15-20%, đặc biệt các vùng như Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, mức vượt từ 30-40% so với tiêu chí đặt ra. Về chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội, năm 2009, lao động làm nông nghiệp chiếm tỷ lệ 51,5%, đến thời điểm hiện nay, số lao động làm nông nghiệp xuống còn 35,4%. Đây là sự chuyển dịch tích cực, nhờ sự chuyển dịch này mà thu nhập của người dân tăng lên. Bên cạnh đó, công tác truyền thông về đào tạo nghề đã phát huy hiệu quả, làm thay đổi nhận thức của người dân, người dân đã hiểu được học để có việc chứ không để lấy bằng, nên số người tham gia đào tạo tăng cao. Nhiều trường hợp tốt nghiệp đại học đi học sơ cấp để có việc làm.

Về nguồn lực, trong vòng 10 năm (2009 - 2019), kinh phí từ các nguồn đã bố trí được 17.107 tỷ đồng, đạt 65,8% mức dự kiến 11 năm của Đề án 1956. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2010-2015, tổng kinh phí thực hiện trên 8000 tỷ đồng, đạt 61,2% kế hoạch

kinh phí giai đoạn. Trong giai đoạn này ngân sách trung ương bố trí nhiều, chiếm 72%. Giai đoạn 2016-2019, tổng kinh phí bố trí đạt hơn 8000 tỷ, bằng 73% kế hoạch, trong đó, ngân sách trung ương chỉ bố trí chiếm 35%, còn lại ngân sách địa phương và các nguồn khác chiếm 65%. Theo số liệu của Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính, chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề đảm bảo tăng đều qua các năm: Năm 2015 là 184.070 tỷ đồng, năm 2016 là 195.604 tỷ đồng, năm 2017 là 215.167 tỷ đồng, năm 2018 là 229.074 tỷ đồng. Như vậy, nếu so sánh mức tăng năm 2018 với năm 2015 thì số tăng gấp 1,24 lần. Mức kinh phí này đã góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp.

Về cơ cấu chi, ngân sách đã ưu tiên bố trí kinh phí cho giáo dục dạy nghề ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới hải đảo và vùng đồng bào dân tộc. Theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề được điều chỉnh tăng bình quân 1,76 lần tùy theo từng vùng so với Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg; định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề theo tiêu chí dân số cho vùng miền núi - đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu cao hơn 1,56 lần so với vùng đô thị; đối với vùng cao - hải đảo cao hơn 2,22 lần so với vùng đô thị. Ngoài ra, quyết định này cũng quy định mức phân bổ đối với những địa phương khó khăn hoặc dân số thấp được phân bổ thêm, cụ thể như các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long được phân bổ thêm 9%, các địa phương có dân số dưới 400.000 người được phân bổ thêm 16%.

b. Đánh giá thực trạng các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động ở nông thôn Việt Nam**Thứ nhất, về lý do được hưởng chính sách miễn giảm học phí đào tạo nghề**

Theo thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP, những đối tượng được miễn học phí bao gồm: Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Đồng thời, cũng theo thông tư, những đối tượng được giảm học phí bao gồm: Học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa - nghệ thuật công lập và ngoài công lập; Học sinh, sinh viên các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp. Danh mục các nghề học nặng nhọc,

độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Kết quả khảo sát cho thấy, lý do chủ yếu mà các hộ được khảo sát được giảm theo chính sách chủ yếu là: gia đình thương binh liệt sỹ và có công với cách mạng (21%), học sinh tiểu học (28%), người dân tộc thiểu số (17%), vùng sâu vùng xa (14%), hộ nghèo (8%).

Thứ hai, về nội dung được hưởng chính sách miễn giảm học phí đào tạo nghề

Cũng theo kết quả khảo sát, những nội dung chủ yếu mà các hộ gia đình được hưởng trợ cấp của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đó là hỗ trợ về học phí, hỗ trợ thông tin về việc làm, hỗ trợ tiền đi lại ăn ở do đang theo học các lớp học nội trú và hỗ trợ vay vốn sau học nghề trong đó phần mà các hộ nhận được sự hỗ trợ nhiều nhất là hỗ trợ học phí (45%), trong khi đó chỉ có 4% các hộ được hỗ trợ về học nghề. Như vậy, sự hỗ trợ mà nhà nước dành cho các đối tượng chính sách về việc tìm kiếm nghề nghiệp hiện nay còn khá hạn chế, điều này sẽ là một khó khăn khi các hộ gia đình muốn tìm kiếm thêm việc làm để nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống.

Thứ ba, về các kênh thông tin để biết về chính sách miễn giảm học phí đào tạo nghề

Hiện nay, do sự phát triển của công nghệ thông tin nên thông tin về các chính sách miễn giảm học phí và đào tạo nghề được phổ biến đến người dân nông thôn qua nhiều hình thức như báo chí, loa đài phát thanh, thông báo từ các đoàn thể, tờ rơi, các hộ nông dân... Trong đó, khi được hỏi, các hộ gia đình được biết đến các chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí thông qua tờ rơi phát cho xã, thông qua các đoàn thể, thông qua hệ thống loa đài phát thanh và đặc biệt là thông qua sự thông tin từ trường thôn. Do đây là khu vực nông thôn nên vai trò của trường thôn ở các khu vực này khá quan trọng, thông qua sự truyền đạt lại các chính sách từ trường thôn, người dân có thể được biết đến các chính sách hỗ trợ và đào tạo nghề để đăng ký. Tuy nhiên, trong tương lai, để có thể biết thông tin một cách đa chiều, các hộ gia đình nên chủ động hơn với các nguồn kênh thông tin hiện đại như từ các trang mạng xã hội, ti vi và đặc biệt là biết cách tìm hiểu và truy cập vào các trang mạng điện tử.

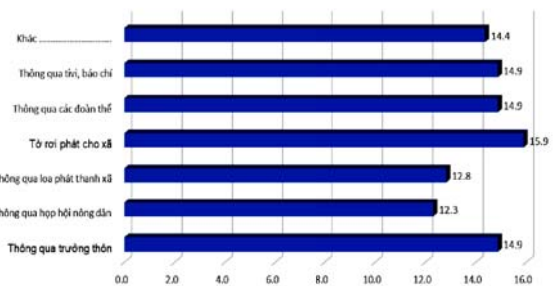
Thứ tư, về hình thức lựa chọn tham gia đào tạo nghề

Thông thường, các hộ gia đình ở nông thôn thường tiếp cận với đào tạo nghề thông qua việc chính quyền địa phương (hoặc cơ sở đào tạo) sẽ tổ

chức các lớp đào tạo nghề. 100% số lao động được hỏi cho rằng họ không được tư vấn về lựa chọn nghề học. Người dân nông thôn với trình độ hạn chế và sự thiếu hụt về thông tin thị trường lao động như hiện nay việc quyết định lựa chọn ngành nghề học là việc quá khó khăn đối với họ.

Bên cạnh những đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp về miễn giảm học phí và đào tạo nghề, nhiều tỉnh trong đó có Hà Tĩnh quy định bổ sung đối tượng ưu tiên theo nhóm ngành (nghề nông nghiệp: tập trung đối tượng lao động nông thôn lớn tuổi muốn nắm bắt quy trình sản xuất, chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; nghề phi nông nghiệp: lao động tại các làng nghề, lao động xuất khẩu, lao động dưới 35 tuổi có nhu cầu làm việc tại doanh nghiệp).

Về thực hiện lựa chọn đối tượng tham gia học nghề: kết quả khảo sát tại 03 tỉnh cho thấy, lựa chọn đối tượng được đào tạo nghề được giao cho các đoàn thể (chủ yếu là hội nông dân, hội phụ nữ...) ở địa phương tiến hành. Các đoàn thể lựa chọn hội viên của mình để học nghề theo các lớp được Phòng LĐTBXH huyện giao xuống, hoặc các trường đào tạo phối hợp với xã tổ chức. Kết quả điều tra cho thấy 21% người học nghề được địa phương thông báo và họ đăng ký học nghề. Ngoài ra, vẫn tồn tại tình trạng chỉ định người học nghề (27%), hình thức lựa chọn này có thể chưa đáp ứng tốt nhu cầu thực sự của người dân. Trường hợp này thường rơi vào các đối tượng là hộ nghèo, hộ trong diện ưu tiên. Bên cạnh đó khá nhiều người lao động đã chủ động đến các cơ sở tự đăng ký ngành nghề mình mong muốn (28%), thường tập trung ở nhóm hộ trung bình, hộ giàu và đối tượng lao động tập trung nhiều ở địa phương có nghề các nghề truyền thống và có khả năng giải quyết việc làm tốt tại địa phương này. Đây đang là hình thức phổ biến nhất. Thực tế cho thấy, đối tượng lao động trực tiếp đăng ký học nghề (ý thức tốt về định hướng nghề nghiệp) sẽ dễ dàng tìm được việc làm sau khi đào tạo. Việc thúc đẩy



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả
Hình 3: Các kênh thông tin về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của các hộ gia đình

hình thức này đang là vấn đề đáng được lưu tâm trong công tác chỉ đạo, tổ chức hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn hiện nay.

Thứ năm, về lĩnh vực nghề trước khi tham gia đào tạo nghề

Kết quả khảo sát cho thấy 69,2% người được đào tạo ngắn hạn đã từng làm hoặc đang làm nghề đang học, trong đó tập trung nhiều đối với ngành nghề nông lâm ngư nghiệp (57%); Các nghề đào tạo có tỷ lệ cao người học nghề chưa làm nghề đang học các nghề về thương mại dịch vụ (48%), tiêu thủ công nghiệp (44%), công nghiệp xây dựng (46%).

Thứ sáu, về lý do tham gia đào tạo nghề

Kết quả khảo sát cho thấy, lý do người dân lao động nông thôn tham gia học nghề là do muốn nâng cao trình độ tay nghề của họ để có thể chuyển sang một công việc mới đem lại thu nhập cao hơn nên đã đăng ký học nghề. Số liệu điều tra cho thấy 38% người học nghề do muốn cải thiện tay nghề của họ. Kết quả cũng chỉ ra những bất cập trong lựa chọn đối tượng học nghề: 22% người học về cho biết họ học để biết chứ không phải học vì mục đích làm việc, 22% người học nghề trả lời họ đã học nghề vì được hỗ trợ tiền học phí, tiền ăn.

Thứ bảy, về các cơ sở tham gia đào tạo nghề

Theo kết quả khảo sát tại các địa phương cho thấy, các cơ sở tham gia đào tạo gồm: trung tâm dạy nghề, trung tâm khuyến nông khuyến công, hội nghề nghiệp, cơ sở giáo dục, trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề, doanh nghiệp. Trong đó, các trung tâm dạy nghề là đơn vị đóng vai trò quan trọng nhất trong việc triển khai hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Việc thu hút các doanh nghiệp, HTX, nông lâm trường, cơ sở sản xuất vào công tác đào tạo nghề theo mục tiêu xã hội hóa công tác đào tạo vẫn còn nhiều hạn chế; Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, HTX, các hội nghề nghiệp chỉ tham gia phối hợp triển khai đào tạo nghề (cho thuê hoặc mượn cơ sở, cử nhân sự tham gia thỉnh giảng...).

Qua khảo sát điều tra cũng cho thấy, nguyên nhân chính do việc thu hút các cơ sở doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất tham gia vào đào tạo nghề còn hạn chế chính là do thủ tục đăng ký học nghề và quyết toán quá trình đào tạo còn rườm rà, nhu cầu về nghề quá đa dạng nhưng điều kiện phân bổ nhân lực và kinh phí để tổ chức lớp học không đủ khả năng đáp ứng... Hiện nay, theo quy định, các cơ sở tham gia dạy nghề phải có chức năng đào tạo nghề đã đăng ký. Các cơ sở đào tạo hợp đồng với đơn vị quản lý (Sở/Phòng LĐTBXH) và phối hợp với các địa phương (xã) triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Việc này cũng là một trong

những rào cản để thu hút được các doanh nghiệp tham gia cũng như làm tăng quá trình xã hội hóa đào tạo nghề.

Thứ tám, về hỗ trợ sau đào tạo nghề

Kết quả khảo sát cho thấy sau khi học nghề có 30,1% số người được hỗ trợ bằng nhiều hình thức. Trong số những người được hỗ trợ, các hình thức hỗ trợ nhận được chủ yếu là được giới thiệu việc làm (45% số người), hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ cơ sở vật chất... Các hình thức hỗ trợ khác còn có: hỗ trợ con giống, hỗ trợ máy móc, hỗ trợ phân bón, lồng ghép các hoạt động hỗ trợ sản xuất theo nguồn vốn được cấp theo quy định. Tuy nhiên, các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm ở các địa phương chưa đồng đều, thiếu liên tục, thiếu gắn kết với doanh nghiệp đối với các lớp đào tạo phi nông nghiệp. Việc tiếp cận nguồn vốn từ quỹ Quốc gia về giải quyết việc làm gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn ít, nhiều đối tượng và nhiều chính sách khác cũng sử dụng nguồn vốn này đã hạn chế khả năng tiếp cận của người được đào tạo nghề, chỉ có 26,2% trong số những người được hỗ trợ học nghề là được tiếp cận vốn.

Thứ chín, về thời gian, địa điểm, nội dung và phương pháp tổ chức lớp học

Phần lớn lao động ở khu vực nông thôn là lao động chính trong gia đình, do vậy đa phần lao động không thể dành toàn bộ thời gian theo học các lớp đào tạo nghề, đặc biệt là đối với các ngành nghề nông nghiệp; Các địa phương, đơn vị đào tạo đã khắc phục khó khăn này bằng cách linh hoạt về thời gian đào tạo cho học viên (đào tạo vào thời điểm nông nhàn, đào tạo buổi tối...). Qua khảo sát tại 03 tỉnh cho thấy 80% số lao động tham gia đào tạo nghề cho rằng thời gian tổ chức lớp đào tạo là thuận lợi. Qua khảo sát thực tế tại các địa phương nhận thấy hiện tượng thời gian thực học thấp hơn nhiều so với số ngày quy định của các lớp học: các lớp học 3 tháng nhưng thực tế số ngày học thực tế chỉ là 37,6 ngày/1 khóa học. Các lớp học nghề chủ yếu được triển khai ngay tại địa phương (thôn, xã) đã tạo thuận lợi cho người dân tham gia học nghề. Tuy nhiên, việc đào tạo ngay tại thôn, xã cũng nảy sinh nhiều vấn đề bất cập trong việc quản lý lớp (bỏ học, học hộ...) dẫn đến hiệu quả đào tạo nghề không cao.

Thứ mười, nội dung các khóa đào tạo

Theo quy định tổ chức lớp đào tạo nghề hiện nay, các cơ sở đào tạo đã tiến hành xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo cho các ngành nghề, một số ngành nghề đặc thù (làm cây cảnh, nghề truyền thống...) chủ yếu thông qua hình thức truyền nghề, chưa có giáo trình hướng dẫn. Theo kết quả khảo sát các hộ được đào tạo nghề có 86,3% người đào tạo

cho biết các lớp học được phát tài liệu học. Trong đó, có 83% số người được phát tài liệu đánh giá tài liệu có đáp ứng được yêu cầu của ngành nghề đào tạo.

Thiết kế chương trình đào tạo đã bước đầu chú trọng đến nội dung thực hành, tuy nhiên mức độ đáp ứng về thời lượng và nội dung thực hành chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của người học (10,1% đánh giá thời gian thực hành quá ngắn, 36,2% đánh giá ngắn). Nội dung tham quan thực tế cũng chưa được chú trọng (12,1% đánh giá quá ngắn, 57,6% đánh giá ngắn).

Mức độ đáp ứng nhu cầu mong đợi của người học khi tham gia các lớp đào tạo nghề chỉ đáp ứng một phần so với nhu cầu của người học (76,7% đánh giá mức đáp ứng tương đối, vẫn còn 11% đánh giá không đáp ứng).

Nhìn chung, theo đánh giá chất lượng các lớp đào tạo nghề chỉ đáp ứng một phần so với nhu cầu của người học (64,8% đánh giá đáp ứng một phần, vẫn còn 9% đánh giá không đáp ứng chất lượng). Đặc biệt các lớp học về thương mại dịch vụ và công nghiệp xây dựng, người học đánh giá chất lượng khóa học không đáp ứng yêu cầu của họ còn khá cao.

Kết quả khảo sát cho thấy đào tạo nghề chủ yếu vẫn tập trung đào tạo nghề dưới 3 tháng là phổ biến (76,6%). Ngành nghề nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu đào tạo (60%). Đối với ngành nghề nông nghiệp chủ yếu mang tính chất tập huấn nâng cao kiến thức hơn là việc đào tạo ngành nghề mới (87,5% số người tham gia (đã từng làm nghề trước khi đào tạo)).

Đối với nhóm nghề phi nông nghiệp, khảo sát cho thấy rằng: các khóa đào tạo ngành nghề phi nông nghiệp chỉ mang tính giới thiệu ngành nghề (đối với người chưa biết nghề), củng cố kiến thức cơ bản (đối với người đã từng làm nghề). Do đó, khả năng ứng dụng và cơ hội việc làm cho học viên không cao (hầu hết các doanh nghiệp phải đào tạo lại khi tuyển người đã học nghề).

2.2. Thực trạng tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam

Thứ nhất, tác động đối với tạo việc làm và việc làm mới

Kết quả khảo sát cho thấy 57,8% người học nghề có việc làm sau khi học xong, có 70,7% khẳng định tìm được việc làm mới sau khi được đào tạo. Điều này chứng tỏ việc học qua các lớp học nhất là các lớp học nghề đã góp phần tích cực giúp các hộ gia đình tìm thêm được việc làm mới và tăng thu nhập tại vùng nông thôn. 58,3% số người được đào tạo cho rằng nhờ đào tạo, thu nhập của gia đình họ đã tăng lên với mức tăng trung bình 35,4%.

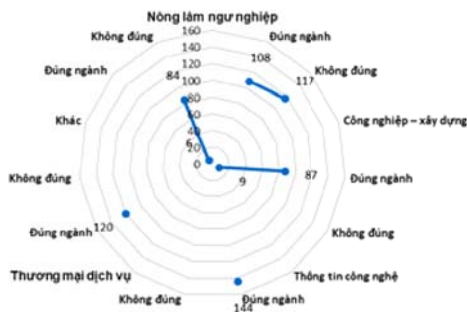
Tuy nhiên, sau khi học xong, tỷ lệ làm việc đúng nghề được đào tạo ở các ngành thương mại dịch vụ rất thấp (chỉ 20%), ở ngành nông nghiệp là cao nhất (92,1%). Lý do là người học nghề nông lâm nghiệp là những người đang làm trong lĩnh vực này. Trong đó, người nghèo là đối tượng làm đúng nghề sau khi học thấp nhất (68,4%).

Các lớp đào tạo về nghề tiểu thủ công nghiệp mang lại hiệu quả tích cực nhất cho người đào tạo với 65,8% số người đánh giá tăng (mức tăng là 43,8%) do những nghề này chủ yếu tận dụng nhân công lúc nông nhàn, sử dụng nguyên vật liệu sẵn có của địa phương. Tỷ lệ đánh giá tăng nhờ đào tạo nghề nông nghiệp là 60,5% (mức tăng 34,5% đối với các hộ đánh giá tăng); các ngành nghề thuộc nhóm thương mại và dịch vụ chưa có ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động. Như vậy, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng đã bước đầu có ảnh hưởng tích cực đối với thu nhập của hộ và người lao động tham gia học nghề.



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả
Hình 4: Sự thay đổi hình thức làm việc mới sau khi được đào tạo

Kết quả khảo sát cho thấy, sau khi học xong các khóa đào tạo, người lao động trong các hộ gia đình ở nông thôn có cơ hội tiếp cận với việc làm mới tăng lên cao, có 70% đánh giá có cơ hội tìm được việc làm sau đào tạo và chỉ có 30% đánh giá là không có cơ hội. Bên cạnh đó, sau khi được đào tạo, người lao động hầu hết tìm được việc làm ở các doanh nghiệp, tỷ lệ là 35%. Tuy nhiên sau khi đào tạo, đa phần chuyển sang doanh nghiệp, trong khi các hình thức khác như tự tạo việc làm, xuất khẩu lao động, tìm việc trên thành phố hay tham gia vào các cơ sở sản xuất địa phương đều có xu hướng giảm dần, điều này cho thấy đào tạo nghề một phần hiện nay chưa hiệu quả, chưa tạo ra được các kỹ năng và kiến thức tốt để người lao động sau khóa đào tạo có thể tự tạo cho mình được việc làm tốt hơn.



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Hình 5: Tỷ lệ làm việc theo ngành nghề được đào tạo

Đồng thời, đối với thực trạng người lao động được làm đúng theo ngành nghề đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy 14% người học nghề nhưng không làm nghề đã được học. Lý do được nêu ra là: người học không tìm được việc làm về nghề đó, người học không muốn làm nghề đã học; người học chưa thạo nghề để làm việc; thiếu vốn đầu tư để thực hành nghề; địa phương không có ngành nghề đã học.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy chỉ có 21,9% đã làm nghề mới sau khi được học, nhiều người không tìm kiếm được việc làm sau học nghề cho rằng cơ hội tìm được việc làm không cao (8,6% cho rằng có nhiều cơ hội, 28,7% cho rằng có cơ hội và 62,7% ít cơ hội tìm được việc làm).

Đào tạo nghề sơ cấp và ngắn hạn cũng tạo cơ hội cho người học làm việc cho các doanh nghiệp. Số liệu cho thấy có 6,2% người học đã có việc làm cho doanh nghiệp mà trước đó họ chưa từng làm việc cho doanh nghiệp. Đào tạo nghề cũng tăng cơ hội việc làm cho người dân nông thôn tại các cơ sở sản xuất địa phương.

Việc không làm đúng ngành nghề theo kết quả khảo sát thì chủ yếu do thiếu vốn để đầu tư sản xuất (28%), chưa thành thạo nghề được đào tạo (14%) và 12% cho rằng lý do là bởi địa phương không có ngành nghề đã được đào tạo. Như vậy, một trong những cách hiệu quả để người đào tạo nghề làm đúng nghề mình được đào tạo là cần có một cơ chế cho vay vốn hiệu quả.

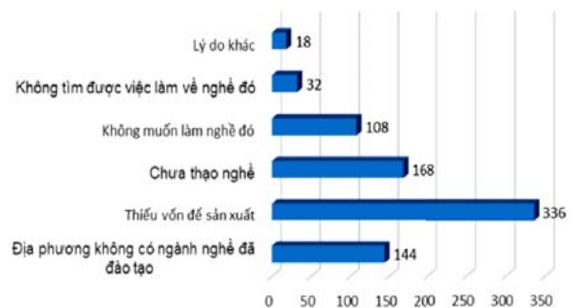
Thứ hai, về những thay đổi trong sản xuất sau đào tạo nghề (quy mô sản xuất, năng suất lao động, chi phí sản xuất, mức độ áp dụng công nghệ, chất lượng sản phẩm, thu nhập...)

Đối với quy mô sản xuất, có 36,4% cho rằng quy mô sản xuất tăng lên sau quá trình đào tạo, 28,9% cho rằng không thay đổi và 34,7% cho rằng giảm. Việc người học tăng được quy mô sản xuất là do người học đã có kinh nghiệm và kiến thức để áp

dụng trong quá trình tiến hành các hoạt động sản xuất của mình. Tuy nhiên, cũng có đến 34,7% lại cho rằng giảm, những đối tượng giảm là những đối tượng sau khi học xong không làm đúng lĩnh vực mình được đào tạo, do vậy, những kiến thức học được hầu như không áp dụng vào trong quá trình sản xuất của họ.

Có 41,8% người học khẳng định việc được đào tạo làm họ tăng năng suất lao động, có 28% là cho rằng không làm tăng năng suất lao động và 30,2% cho rằng sau khi kết thúc khóa học không làm họ thay đổi về năng suất lao động. Bên cạnh đó, có 38,7% cho rằng việc học làm giảm chi phí sản xuất, và 30,7% cho rằng tăng hoặc không làm thay đổi chi phí sản xuất. 77,9% người được đào tạo khẳng định đào tạo đã giúp họ tăng chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, ở người nghèo thì tỷ lệ này chỉ là 41%, lí do họ đưa ra là họ không thực sự hiểu cách giảng dạy, không áp dụng được các kiến thức đã học vào thực tế. Chỉ 25% người đào tạo khẳng định đào tạo giúp áp dụng được công nghệ mới vào sản xuất. Trong đó, người nghèo không áp dụng được bất kỳ tiến bộ công nghệ mới nào. Mặc dù tỷ lệ thấp nhưng cũng đã phản ánh tác động tích cực của đào tạo nghề trong việc đưa công nghệ mới vào sản xuất.

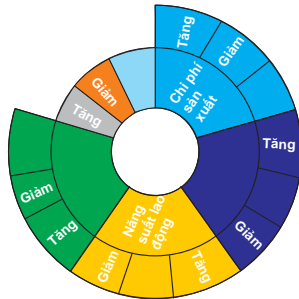
Tuy nhiên, mặc dù đa phần đánh giá sau quá trình học sẽ khiến thu nhập của các hộ nông dân tăng, nhưng đối với phần thu nhập từ chính nghề được đào tạo thì lại không tăng, có 30,7% cho rằng tăng, nhưng lại có đến 38,7% đánh giá giảm và 29,3% đánh giá không thay đổi. Sở dĩ như vậy là do nhiều lao động nông thôn sau khi học xong thường không làm đúng với nghề đã học. Một trong những nguyên nhân sâu xa chính là bản thân người lao động nông thôn khi tham gia đào tạo đã chưa xác định được đúng đắn việc học nghề phù hợp với năng lực và điều kiện của mình, do vậy đã gây ra tình trạng làm không đúng với nghề đã được đào tạo, từ



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Hình 6: Lý do không làm đúng ngành nghề được đào tạo

đó gây ra sự lãng phí không nhỏ đối với chính bản thân người được đào tạo và cả với xã hội.



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả
Hình 7: Sự thay đổi trong quá trình sản xuất sau khi được đào tạo

2.3. Đánh giá chung về tác động của chính sách đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn Việt Nam

Trong thời gian qua, các chính sách đào tạo nghề đã được áp dụng đối với các hộ gia đình ở khu vực nông thôn và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các hộ gia đình khu vực nông thôn đã dễ dàng tiếp cận với các thông tin chính sách trợ cấp giáo dục thông qua nhiều kênh thông tin như báo chí, loa đài phát thanh, thông báo từ các đoàn thể, tờ rơi, các hộ nông dân... Đã có nhiều cơ sở tham gia đào tạo nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn như trung tâm dạy nghề, trung tâm khuyến nông khuyến công, hội nghề nghiệp, cơ sở giáo dục, trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề, doanh nghiệp. Đội ngũ giảng viên, giảng viên tham gia đào tạo đã ngày càng được nâng cao về chất lượng. Lao động trong các hộ gia đình ở khu vực nông thôn đã nhận được nhiều hỗ trợ sau khi kết thúc các khóa đào tạo như giới thiệu việc làm, hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ cơ sở vật chất... Các địa phương, đơn vị đào tạo đã khắc phục khó khăn này bằng cách linh hoạt về thời gian đào tạo cho học viên (đào tạo vào thời điểm nông nhàn, đào tạo buổi tối...).

Đối với vấn đề tạo việc làm, việc làm mới và nâng cao thu nhập. Kết quả khảo sát cho thấy 57,8% người học nghề có việc làm sau khi học xong, có 70,7% khẳng định tìm được việc làm mới sau khi được đào tạo. Điều này chứng tỏ việc học qua các lớp học, nhất là các lớp học nghề đã góp phần tích cực giúp các hộ gia đình tìm thêm được việc làm mới và tăng thu nhập tại vùng nông thôn. Có 58,3% số người được đào tạo cho rằng nhờ đào tạo, thu nhập của gia đình họ đã tăng lên với mức tăng trung bình 35,4%.

Các lớp đào tạo về nghề tiểu thủ công nghiệp mang lại hiệu quả tích cực nhất cho người đào tạo

với 65,8% số người đánh giá tăng (mức tăng là 43,8%) do những nghề này chủ yếu tận dụng nhân công lúc nông nhàn, sử dụng nguyên vật liệu sẵn có của địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy, sau khi học xong các khóa đào tạo, người lao động trong các hộ gia đình ở nông thôn có cơ hội tiếp cận với việc làm mới tăng lên cao, có 70% đánh giá có cơ hội tìm được việc làm sau đào tạo và chỉ có 30% đánh giá là không có cơ hội. Bên cạnh đó, sau khi được đào tạo, người lao động hầu hết tìm được việc làm ở các doanh nghiệp, tỷ lệ là 35%.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, chính sách đào tạo nghề vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

Các cơ sở sản xuất tham gia vào đào tạo nghề còn tồn tại nhiều hạn chế. Các cơ sở đào tạo nghề có tỷ lệ đánh giá giáo viên truyền đạt kiến thức dễ hiểu là thấp nhất (29%), nội dung chương trình đào tạo chưa sát với thực tế nghề nghiệp, thời gian đào tạo còn nhiều bất cập. Bên cạnh đó, hiện vẫn còn ít cơ sở tham gia đào tạo nghề do thủ tục đăng ký học nghề và quyết toán quá trình đào tạo còn rườm rà, nhu cầu về nghề quá đa dạng nhưng điều kiện phân bổ nhân lực và kinh phí để tổ chức lớp học không đủ khả năng đáp ứng... Hiện nay, theo quy định, các cơ sở tham gia dạy nghề phải có chức năng đào tạo nghề đã đăng ký. Các cơ sở đào tạo hợp đồng với đơn vị quản lý (Sở/Phòng LĐTBXH) và phối hợp với các địa phương (xã) triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Việc này cũng là một trong những rào cản để thu hút được các doanh nghiệp tham gia cũng như làm tăng quá trình xã hội hóa đào tạo nghề. Kết quả khảo sát cũng cho thấy cần phải thể chế hóa các quy định liên quan đến vấn đề lựa chọn giảng viên tham gia vào công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng linh hoạt hơn, trên cơ sở phân quyền cho địa phương chủ động trong công tác lựa chọn người tham gia giảng dạy, cần ban hành các quy định cụ thể về chế độ đãi ngộ cho người tham gia dạy nghề, nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và có những chế tài phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng thực sự của đội ngũ giảng viên tham gia vào công tác đào tạo nghề tại các địa phương.

Ngoài ra, việc đào tạo vẫn chưa chú trọng đến công tác hỗ trợ sau đào tạo nghề, các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm ở các địa phương chưa đồng đều, thiếu liên tục, thiếu gắn kết với doanh nghiệp đối với các lớp đào tạo phi nông nghiệp. Sau khi đào tạo, đa phần chuyển sang doanh nghiệp, trong khi các hình thức khác như tự tạo việc làm, xuất khẩu lao động, tìm việc trên thành phố hay tham gia vào

các cơ sở sản xuất địa phương đều có xu hướng giảm dần. Điều này cho thấy đào tạo nghề hiện nay chưa thực sự hiệu quả, chưa tạo ra được các kỹ năng và kiến thức tốt để người lao động sau khóa đào tạo có thể tự tạo cho mình được việc làm mới tốt hơn.

Các hộ gia đình được hưởng trợ cấp của chính sách giáo dục chủ yếu là những hỗ trợ về học phí, tiền đi lại ăn ở do đang theo học các lớp học nội trú, chỉ có 4% các hộ được hỗ trợ về vốn, thông tin về học nghề và thông tin việc làm. Như vậy, sự hỗ trợ mà nhà nước dành cho các đối tượng chính sách về việc tìm kiếm nghề nghiệp hiện nay còn khá hạn chế, điều này sẽ là một khó khăn khi các hộ gia đình muốn tìm kiếm thêm việc làm để nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống. Vẫn tồn tại tình trạng chỉ định người học nghề, hình thức lựa chọn này có thể chưa đáp ứng tốt nhu cầu thực sự của lao động nông thôn.

Mặc dù đa phần đánh giá sau quá trình học sẽ khiến thu nhập của các hộ nông dân tăng, tuy nhiên đối với phần thu nhập từ chính nghề được đào tạo thì lại không tăng, có 30,7% cho rằng tăng, nhưng có đến 38,7 đánh giá giảm và 29,3 đánh giá không thay đổi. Sở dĩ như vậy là do nhiều lao động nông thôn sau khi học xong thường không làm đúng với nghề đã học. Một trong những nguyên nhân sâu xa chính là bản thân người lao động nông thôn khi tham gia đào tạo đã chưa xác định được đúng đắn việc học nghề phù hợp với năng lực và điều kiện của mình, do vậy đã gây ra tình trạng làm không đúng với nghề đã được đào tạo, từ đó gây ra sự lãng phí không nhỏ đối với chính bản thân người được đào tạo và cả với xã hội.

2.4. Giải pháp hoàn thiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trong việc nâng cao thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam

Một là, giải pháp đối với các cơ sở đào tạo nghề

- Các cơ sở đào tạo nghề cần tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới nội dung chương trình, nâng cao chất lượng giảng viên, đầu tư chuẩn hóa cơ sở vật chất. Việc áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng là học sinh trung cấp, cao đẳng nghề và điều kiện hiện có của trường nhằm phát huy tích cực tính chủ động, sáng tạo của người học sẽ mang lại những kết quả khả quan trong nâng cao chất lượng đào tạo. Nhóm giải pháp này bao gồm: (1) Rà soát lại toàn bộ nội dung từng học phần, trên cơ sở đó nghiên cứu và áp dụng phương pháp dạy học cho phù hợp với nội dung trong từng bài, chương. Mỗi tổ bộ môn trong từng trường sẽ chịu trách nhiệm về vấn đề này; (2) Đầu tư trang bị, thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung, yêu cầu giảng dạy; (3) Nghiên cứu phải thay đổi thường

xuyên các phương pháp dạy học tránh sự đơn điệu, nhàm chán từ học sinh; (4) Sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ giảng dạy. Các dụng cụ học tập phải được sử dụng và phát huy tối đa tính năng sẵn có của chúng. Học sinh được tiếp cận, nhìn, và thực hiện qua sự hướng dẫn của giáo viên. Quá trình này được diễn ra nhiều lần đến khi học sinh về cơ bản có thể thuần thục được một kỹ năng nào đó.

- Tiến hành khảo sát các cơ sở đào tạo, so sánh với chuẩn trường/chuẩn trung tâm đã được ban hành. Xây dựng mới và cải tạo hệ thống trường lớp, nhà xưởng thực hành, phòng thí nghiệm... theo chuẩn trường đã ban hành. Đây mạnh mua sắm và đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy hiện đại, đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Mở rộng liên kết đào tạo để tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như đội ngũ giáo viên giữa các cơ sở dạy học và các doanh nghiệp.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Việc liên kết với các doanh nghiệp là một giải pháp quan trọng giúp các cơ sở đào tạo tăng cường nguồn lực đảm bảo cho chất lượng đào tạo. Hơn nữa, liên kết với doanh nghiệp cho phép học sinh, sinh viên của trường có cơ hội thực tập, làm quen với công nghệ trong sản xuất, có thể làm việc sau khi ra trường mà không cần nhiều thời gian để doanh nghiệp đào tạo lại nhất là đối với các trường đại học và các cơ sở đào tạo nghề. Việc liên kết với doanh nghiệp cũng cho phép các cơ sở đào tạo nghề sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân lành nghề của doanh nghiệp như là các giáo viên, trợ giảng, người hướng dẫn để học sinh, sinh viên có được kiến thức và kỹ năng tốt hơn. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp cũng tạo cơ hội để cơ sở dạy học tìm đầu ra cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp, nâng cao hiệu quả dạy học.

Hai là, giải pháp về công tác hỗ trợ sau đào tạo nghề

- Tổ chức hệ thống thông tin thị trường lao động, thông tin hàng hóa, dịch vụ làm cơ sở cho tư vấn học nghề và xây dựng kế hoạch đào tạo nghề. Nhanh chóng xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động và dịch vụ về đào tạo, tìm kiếm, giới thiệu việc làm để tạo cầu nối liên kết giữa cung và cầu lao động, giữa người lao động, cơ sở đào tạo và người sử dụng lao động. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, về phát triển nhân lực; đẩy mạnh phát triển thị trường lao động nông thôn thông qua việc tổ chức hoạt động sản giao dịch lao động việc làm của địa phương.

- Gắn hệ thống thông tin thị trường lao động của địa phương với hệ thống thông tin với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia. Thực hiện

các chính sách hỗ trợ lao động yếu thế và đặc thù (khuyết tật, người dân tộc thiểu số, nghèo, đối tượng bị thu hồi đất...) khi tham gia vào thị trường lao động như: thành lập các đơn vị tư vấn, giới thiệu việc làm, cơ sở đào tạo dành riêng cho các đối tượng lao động yếu thế, hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo lại, giải quyết việc làm...

- Xây dựng đội ngũ tư vấn viên có năng lực để tư vấn chọn nghề học và chọn việc làm. Đầu tiên, cần tăng cường tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tư vấn học nghề, đối với việc phát triển kinh tế xã hội. Ngoài ra, cần có kế hoạch xây dựng đội ngũ tư vấn viên có năng lực để tư vấn chọn nghề học, chọn việc làm. Đó là các cán bộ chuyên trách về dạy nghề, là cán bộ xã, thôn, là những người đã từng học nghề và thành công trong cuộc sống, cũng có thể là tư vấn viên của những công ty cử xuống để lựa chọn những nhân sự cần thiết cho công ty... Việc xây dựng đội ngũ tư vấn viên này hết sức quan trọng, vừa mang tính chất tư vấn, vừa mang tính chất định hướng, mở ra con đường mới cho người học, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo của các cơ sở dạy nghề, phát triển đúng định hướng và bền vững.

- Liên kết giữa các cơ sở đào tạo nghề trong vùng và với các vùng khác để đảm bảo hiệu quả của đào tạo nghề. Sở LĐTBXH của tỉnh có thể cử cán bộ chuyên trách, giảng viên, hoặc cử người đi học các lớp đào tạo nghề tại các địa phương có nhiều kinh nghiệm để học tập kinh nghiệm, trao đổi kiến thức, kỹ năng, mở rộng môi trường việc làm tới các vùng khác để có nhiều cơ hội cho đầu ra của các lao động đã qua đào tạo...

Ngoài ra, cần đẩy mạnh các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư mở các cơ sở dạy nghề ngoài công lập của các vùng khác trên địa bàn nhằm tăng cường vốn đầu tư, thu hút nhân lực và vật lực cho đào tạo. Có thể đặt hàng đào tạo nhất là đào tạo nghề cho những nghề xuất khẩu lao động, những nghề chất lượng cao của các cơ sở dạy nghề ở địa phương khác hoặc nhận đặt hàng đào tạo những nghề thủ công, nông nghiệp là thế mạnh của các cơ sở dạy nghề trong vùng.

- Xử lý ảnh hưởng của độ trễ về thời gian đào tạo đối với đảm bảo nhu cầu của thị trường. Chính sách nào cũng có những độ trễ nhất định về những tác động của nó. Thời gian đào tạo kéo dài sẽ gây khó khăn cho việc lao động tìm việc làm sau khi đào tạo. Muốn xử lý được ảnh hưởng này thì các cơ sở dạy nghề cần phải xây dựng kế hoạch phù hợp, có những dự báo về nhu cầu nhân lực ở 3 cấp độ: ngắn hạn,

trung hạn và dài hạn. Để từ đó có những kế hoạch hợp lý về dạy nghề, tránh đào tạo ồ ạt, tràn lan gây lãng phí thời gian, tiền của, công sức của người học nghề. Bên cạnh đó, tăng cường hỗ trợ các lao động sau khi tốt nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn để mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc đào tạo nghề nên hướng vào những ngành nghề thuộc nhóm thủ công vì đây là những ngành mà lao động sau khi được đào tạo sẽ dễ dàng tìm được việc làm hơn.

Kết luận

Nhìn chung, thu nhập hộ gia đình ở nông thôn thấp một phần do tình trạng nông dân thiếu tư liệu sản xuất, thiếu vốn cũng như gặp khó khăn trong tiếp cận các nguồn vốn và hơn hết một phần do năng lực lao động của họ kém hiệu quả dẫn đến năng suất lao động thấp từ đó làm giảm thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Vì vậy, vấn đề đặt ra nhằm nâng cao thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn cần có các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nhằm khuyến khích người nông dân nông thôn tiếp cận, tham gia học tập, nâng cao trình độ, năng suất lao động và kỹ năng lựa chọn sinh kế trong tương lai. Nhằm giúp người dân nông thôn tham gia vào quá trình giáo dục - đào tạo có hiệu quả, Nhà nước cần phải có hệ thống chính sách đồng bộ, hiệu quả, bình đẳng đối với mọi nhóm thành phần dân cư ở khu vực nông thôn. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Hứa Thị Phương Chi (2016), *Những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng Đông bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học, số 4, tr24-32.
2. Trần Thị Thái Hà (2015), *Giáo dục của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay*, Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia.
3. Hoàng Hồng Hiệp (2016), *Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ ngư dân khai thác hải sản xa bờ vùng Nam Trung Bộ và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của cộng đồng ngư dân*, Đà Nẵng.
4. Chu Thị Kim Loan (2015), *Ảnh hưởng của nguồn lực đến thu nhập của nông hộ tỉnh Thanh Hóa: Nghiên cứu điển hình ở Huyện Thọ Xuân và Hà Trung*, Tạp chí Kinh tế học và Phát triển, tập 13, số 6:1051-1060.
5. Nguyễn Thị Như (2015), *Đa văn hóa và chính sách giáo dục của Singapore*, Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, số 7-2015, tr.31-38.

6. Trần Đức Thiện (2005), *Tác động của nghiên cứu xã hội học đối với các chính sách giáo dục và cải cách giáo dục ở Philippines*, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 5-2005, tr.47-52.
7. Hoàng Bá Thịnh (2015), *Công nghiệp hóa và những biến đổi đời sống gia đình nông thôn Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp xã Ái Quốc, Nam Sách - Hải Dương*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.
8. Nguyễn Thanh Tuấn (2017), *Đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình nông thôn ở Đồng Bằng Sông Cửu Long và phân tích trường hợp tỉnh Kiên Giang*, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
9. Trần Quang Tuyền (2013), *Việc làm phi nông nghiệp và thu nhập của nông hộ: Trường hợp nghiên cứu vùng ngoại thành Hà Nội*, Tạp chí Khoa học và Phát triển, tr. 260-268.
10. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2016), *Báo cáo "Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn Việt Nam năm 2016 tại 12 tỉnh"*.
11. Al Jabri và các cộng sự (2013), *Determinants of small-scallop fishermen's income on Oman's Batinah Coast*, Marine fisher review, 75(3), 21-32.
12. Daniel Osarfo và các cộng sự (2016), *The Impact of Nonfarm Activities on Rural Farm Household Income and Food Security in the Upper East and Upper West Regions of Ghana*, Department of Economics, University of Ghana, Legon, Ghana.
13. Doan, T., Le, Q., & Tran, T. Q. (2016), *Lost in Transition? Declining Returns to Education in Vietnam*, The European Journal of Development Research, 1-22.
14. E.A.Fadipe, A.H.Adenuga, A.Lawal (2014), *Analysis of income determinants among rural households in Kwara State, Nigeria*, Trakia Journal of Sciences, No.4, p.400-404.
15. Kishor Patwardhan (2016), *Educational Policy Research*, Ayurveda context.
16. Krishna, A. (2004), *Escaping poverty and becoming poor: who gains, who loses, and Why*, World development, 32(1), 121-136.
17. Koen Carels. 2005, *Evaluation of Agri-environmental Measures in Flanders*, Belgium, OECD ilibrary.
18. Garoma và các cộng sự (2013), *Analysis of determinants of gross margin income generated through fishing activity to rural households around Lake Ziway and Langano in Ethiopia*, Agricultural Sciences, No.4, p.595-607.
21. Shenggen Fan et al (2010), *Agricultural growth and investment options for poverty reduction in Rwanda*, Washington, D.C. International Food Policy Research Institute.
22. Senadza, B.(2012), *Non-farm income diversification in rural Ghana: Patterns and determinants*, African Development Review, 24(3), 233-244.
23. Seda Cankaya (2015), *The educational policy of European Union*, Procedia - Social and Behavioral Sciences, No.174, p.886 - 893.
24. Tariq Ahmad (2017), *Impact of Apiculture on the Household Income of Rural Poor in Mountains of Chitral District in Pakistan*, Journal of Social Sciences, Volume 6, Number 3, July 2017, pp.518-531.
25. Robert E.Lucas (1988), *On the mechanics of economic development*, Journal of monetary Economics 22. North-Holland. 3-42.
26. Rembert De Blander (2016), *Aid, education policy and development*, International Journal of Educational Development, No.48 (2016), p.1-8.
27. John N.Ng.ombe (2013), *Impact of conservation farming on smallholder farm household incomes in Zambia: Evidence using an endogenous switching regression model*, The University of Zambia, Lusaka.
28. J.Terluin, Pim Roza (2010), *Evaluation methods for rural development policy*, LEI, part of Wageningen UR, The Hague.

Summary

In rural Vietnam, vocational training policies have had positive impacts on the livelihood of farmers. Specifically, the policies have helped to improve the income of farming households and eliminate the poverty. This paper examines the impact of vocational training policies on farmers' income in Vietnam by using the data from a survey on 810 farms, 30 government officials, and 30 researchers in 3 provinces (Ha Giang, Ha Tinh, and Tra Vinh). The paper analyzes the impact of vocational training policies on farmers' income and proposes some solutions to improve the policies in rural Vietnam in the coming time.